

ẢNH HƯỞNG CỦA TƯ TƯỞNG NHO GIA VÀ LÃO TỬ ĐỐI VỚI TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ CỦA HÀN PHI TỬ

TRƯƠNG VĂN HUYỀN (*)

Trong bài viết này, tác giả đã tập trung phân tích những ảnh hưởng của tư tưởng Nho gia và Lão Tử đối với tư tưởng chính trị của Hàn Phi Tử. Theo đó, tác giả khẳng định rằng, Hàn Phi Tử với tư cách nhà tư tưởng lớn của trường phái Pháp gia đã không chỉ tiếp thu đơn thuần tư tưởng của trường phái Pháp gia mà còn kế thừa những tinh hoa, những yếu tố hợp lý của các học phái khác để xây dựng cho mình một lý thuyết chính trị hoàn chỉnh, trực tiếp nhất là tư tưởng của Nho gia và tư tưởng của Lão Tử. Chính điều đó đã giúp cho lý thuyết của ông được nâng lên một tầm cao hơn so với các bậc tiền bối Pháp gia đi trước, thể hiện những ưu điểm mà các trường phái tư tưởng cùng thời không có được.

Hàn Phi Tử (Hàn Phi - khoảng 280 - 233 trước CN.) là nhà tư tưởng lớn của trường phái Pháp gia. Tư tưởng của ông là sự hội tụ của nhiều trường phái tư tưởng Trung Quốc thời Cổ đại. Trong sách "Sử ký", phần "Thân Bất Hại, Hàn Phi liệt truyện", Tư Mã Thiên nhận xét: "Hàn Phi là công tử của nước Hàn, thích cái học "hình danh" "pháp thuật". Gốc của học thuyết này là ở Hoàng Đế, Lão Tử"(1). Tuy là một nhận xét ngắn và không giải thích nhưng Tư Mã Thiên phần nào cho ta thấy được nguồn gốc sâu xa cho sự hình thành tư tưởng của Hàn Phi.

Trong lời giới thiệu tác phẩm *Hàn Phi Tử*, dịch giả Phan Ngọc viết: "Kết quả ông là con người duy nhất của Trung Quốc thực hiện được một sự tổng hợp ba học thuyết Nho, Lão, Pháp, ở đó Nho là tài liệu xây dựng, Pháp là cái bản thiết kế, nhưng Lão mới là kỹ thuật thi công của cái ngôi nhà độc đáo"(2). Mặc dù, trong lời giới thiệu này, dịch giả Phan Ngọc chưa lý giải cũng như

chưa làm rõ mối quan hệ Nho - Lão - Pháp với vai trò tương ứng "tài liệu xây dựng" "bản thiết kế" "kỹ thuật thi công", song đã khẳng định nguồn gốc hình thành tư tưởng cũng như mối liên hệ, sự ảnh hưởng của Nho, Lão, Pháp đối với tư tưởng của Hàn Phi.

Qua các công trình tìm hiểu về tư tưởng Hàn Phi, cơ bản, các nhà nghiên cứu đều thống nhất, Hàn Phi chịu ảnh hưởng của Nho gia mà trực tiếp nhất là Tuân Tử, chịu ảnh hưởng của Lão Tử, nhất là tư tưởng về "Đạo", "vô vi", đồng thời kế thừa, tiếp thu tư tưởng của Pháp gia.

1. Ảnh hưởng của tư tưởng Nho gia - Tuân Tử đối với tư tưởng của Hàn Phi Tử

Hàn Phi là người học rộng, do vậy, có thể chắc chắn một điều rằng, các học

(*) Tiến sĩ, Học viện Chính trị khu vực I.

(1) Tư Mã Thiên. *Sử ký*, t.1, (Phan Ngọc dịch). Nxb Văn học, 1997, tr.334.

(2) Hàn Phi. *Hàn Phi Tử* (Phan Ngọc dịch). Nxb Văn học, Hà Nội, 1992, tr.12.

thuyết, các trường phái tư tưởng đương thời như Nho gia không thể không ảnh hưởng đến tư tưởng của ông. Trong tư tưởng Hàn Phi, chúng ta bắt gặp những tư tưởng tiêu biểu của Nho gia, như tư tưởng "tôn quân" - đề cao vị thế tuyệt đối của vua, tư tưởng "chính danh" - xác định đúng danh phận trong các quan hệ chính trị - xã hội. Hàn Phi tiếp thu tư tưởng Nho gia không chỉ ở từng luận điểm, từng khía cạnh tri thức mà tiếp thu Nho gia với tư cách một hệ thống tri thức uyên bác đương thời. Dịch giả Phan Ngọc nhận xét: "Nhờ tiếp thu học vấn uyên bác của đạo Nho cho nên Hàn Phi đã không chứng minh thì thôi, chứ đã chứng minh thì bằng chứng đôn dập, sự việc đầy đủ, kiến thức phong phú, căn cứ xác thực"(3).

Hàn Phi là học trò của Tuân Tử, do vậy tư tưởng của Tuân Tử có ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành tư tưởng của ông, đặc biệt là quan điểm về xã hội, về bản tính con người.

Mặc dù, Tuân tử là một nhà tư tưởng nổi tiếng đương thời thuộc trường phái Nho gia, song nhiều tư tưởng, quan điểm của ông lại có phần khác với quan điểm truyền thống của Nho gia. Chẳng hạn, trong quan niệm về bản tính con người, Mạnh tử cho rằng, bản tính con người là "thiện", bản tính "ác" là do sự tác động của ngoại cảnh, của môi trường xã hội mà có, đồng thời đề cao vai trò của giáo dục trong việc tạo tính thiện cho con người. Đây cũng là quan điểm chung của các nhà tư tưởng Nho gia. Ngược lại, Tuân Tử coi bản tính con người là "ác", bản tính "thiện" có được là do sự chế ước của xã hội, do vậy để

con người và xã hội hướng thiện, thì cần thiết phải đề cao "lễ" với tính chất khuôn mẫu, chuẩn mực (gắn với pháp luật) nhằm điều chỉnh các mối quan hệ xã hội.

Là học trò của Tuân Tử, Hàn Phi đã chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi tư tưởng của thầy, song về sau, ông lại lựa chọn đi theo đường lối của Pháp gia.

Do tiếp thu tư tưởng "tính ác" của Tuân Tử nên trong nhìn nhận về con người, Hàn Phi đề cao tính "tư lợi" ở con người hơn là tính thiện, thậm chí ông còn phủ nhận những tư tưởng đề cao cái cao quý trong con người. Đối với ông, mọi cái cao quý thiêng liêng đều quy về cái lợi, mà ông hiểu là lợi ích cá nhân. Con người bao giờ cũng làm theo tiếng gọi của lợi ích cá nhân, "trong muôn vật không có gì quý bằng thân mình"(4), do vậy, trong mọi hành động con người luôn tính toán lợi ích cho mình: "Ông thầy thuốc khéo hút mủ ở vết thương người ta, ngậm máu người ta không phải vì có tình thương cốt nhục, chẳng qua làm thế thì có lợi. Cho nên người bán cỗ xe làm xong cỗ xe thì muốn người ta giàu sang. Người thợ mộc đóng xong quan tài thì muốn người ta chết non. Đó không phải vì người người thợ đóng cỗ xe thì có lòng nhân, còn người thợ đóng quan tài không phải ghét người ta, nhưng cái lợi của anh ta là ở chỗ người ta chết"(5).

Theo Hàn Phi, điều lợi chi phối mọi hành động của con người nên khi xem xét hành động của ai thì đừng dựa trên

(3) Hàn Phi. *Sđđ.*, tr.12.

(4) Hàn Phi. *Sđđ.*, tr.37.

(5) Hàn Phi. *Sđđ.*, tr.122.

quan niệm nhân nghĩa, đạo đức mà phải xem xét ở khía cạnh lợi ích. Người bán cỗ xe muốn người ta giàu sang không phải vì có lòng nhân ái, cũng như người thợ mộc đóng xong quan tài thì muốn người ta chết không phải vì người đó ác, mà ở đây cả người bán cỗ xe và người thợ mộc đóng quan tài đều có điểm chung, đó là vì lợi ích.

Khi nói về quan hệ vua - tôi, Hàn Phi nhấn mạnh đó cũng là mối quan hệ vì lợi ích, bầy tôi như "đàn hươu" kiếm cỏ, cỏ ở đâu nhiều thì "hươu" tập trung về đấy. Vì vậy, để bầy tôi phục vụ nhà vua thì nhà vua phải lấy lợi ích làm phương tiện sai khiến, lợi ích là chất keo kết dính, là cầu nối của mối quan hệ vua - tôi. Suy rộng ra đối với xã hội, để điều hòa các mối quan hệ phức tạp trên cơ sở lợi ích với bản tính "ác" của con người thì nhân nghĩa không có tác dụng mà phải dùng pháp luật, bởi pháp luật có tính chế ước mạnh, đồng thời đề cao việc thưởng phạt nhằm khuyến khích con người làm điều lợi, ngăn ngừa điều hại, đảm bảo ổn định xã hội.

2. Ảnh hưởng của tư tưởng Lão Tử

Có thể nói, tư tưởng của Lão Tử có ảnh hưởng khá sâu sắc đối với Hàn Phi. Hàn Phi đã tổng hợp tư tưởng của các học phái Pháp gia (gồm phái trọng "Pháp", phái trọng "Thuật" và phái trọng "Thế") để hoàn thiện tư tưởng trường phái Pháp gia trên cơ sở lý thuyết triết học của Lão Tử. Lý thuyết đó đã tạo cho Pháp gia có cơ sở lý luận, nâng Pháp gia lên tầm cao mới, trở thành một trong bốn trường phái tư tưởng lớn của Trung Quốc thời Cổ đại là Nho gia, Mặc gia, Đạo gia, Pháp gia.

Các nhà tư tưởng Pháp gia dường như đều là những nhà chính trị trước khi trở thành nhà tư tưởng. Có thể thấy điều này qua các Pháp gia tiêu biểu: Quản Trọng (?-645 trước CN.) làm tướng quốc cho nước Tề dưới thời Tề Hoàn Công; Từ Sản sinh sau Quản Trọng khoảng 100 năm, cầm quyền ở nước Trịnh trong khoảng thời gian từ 554 đến 523 trước CN.; Lý Khôi làm tướng quốc cho nước Ngụy; Ngô Khởi làm tướng quốc cho nước Sở; Thân Bất Hại (385 - 337 trước CN.) làm tướng quốc cho nước Hàn (dưới thời Hàn Chiêu hầu) trong khoảng thời gian từ 351 - 337 trước CN. Thận Đáo (395 - 315 trước CN.) là người nước Triệu, làm "thượng đại phu" ở nước Tề dưới thời Tề Tuyên vương (325 trước CN.); Thương Ưởng (388 - 338 trước CN.) làm tướng quốc ở nước Tần dưới thời Tần Hiếu Công...

Qua quá trình hoạt động, họ đúc rút, tổng kết những vấn đề chính trị và khái quát thành lý luận, do vậy tư tưởng của họ mang nhiều ý nghĩa thực tiễn, nhưng lại thiếu đi tính lý luận, nhất là cơ sở triết học khi đi sâu giải thích bản chất của vấn đề. Các nhà tư tưởng phái Pháp gia đều cho rằng, pháp luật như cái cân, mang tính khách quan và đúng đắn, nhưng họ không giải thích được tại sao khách quan lại đúng đắn. Điều này đã làm cho lý luận của họ thiếu tính thuyết phục. Những hạn chế này được Hàn Phi phát hiện và khắc phục. Hàn Phi đã bổ sung cơ sở triết học của Lão Tử vào tư tưởng Pháp gia, hay nói cách khác, ông luận giải các vấn đề chính trị của Pháp gia trên cơ sở lý luận triết học của Lão Tử, qua đó nâng lý thuyết của

Pháp gia lên tâm lý luận, có sức thuyết phục hơn. "Điều quan trọng là ông biết tìm một học thuyết triết học làm xương sống cho lý thuyết pháp trị. Đó chính là lý thuyết của Lão Tử mà cơ sở là Đạo đức kinh... Đạo đức kinh là một tác phẩm thuần túy tư biện, với ông biến thành một tác phẩm thuần túy thực dụng, chứa đựng toàn mảnh khéo mưu mô. Đó là sự đóng góp riêng của ông vào "thuật trị nước"(6).

Trong tác phẩm *Hàn Phi Tử*, Hàn Phi dành hai thiên để viết về Lão Tử, đó là thiên 20: "Giải thích Lão Tử" (Giải Lão) và thiên 21: "Minh họa Lão Tử" (Dụ Lão). Hai nội dung quan trọng trong tư tưởng Lão Tử mà Hàn Phi tiếp thu là tư tưởng về "Đạo" và tư tưởng "Vô vi".

Thứ nhất, tư tưởng về "Đạo".

Trong tư tưởng Lão Tử, "Đạo" được hiểu với hai khía cạnh: Một là, cái "bản thể", nguyên thủy của vũ trụ, của trời đất: "Có một vật do sự hỗn hợp mà thành; nó sinh ra trước trời đất; vừa trống không vừa yên lặng, đứng yên một mình mà không biến cải; trôi đi khắp mọi nơi mà không thôi. Có thể làm mẹ đẻ của thiên hạ. Ta không biết tên gì, phải đặt tên chữ cho nó là Đạo và gượng gọi nó là Đại (lớn)"(7). Hai là, "quy luật" của tự nhiên, của xã hội và con người: "Người bắt chước Đất, Đất bắt chước Trời, Trời bắt chước Đạo, Đạo bắt chước tự nhiên"(8). Mọi vật trong tự nhiên đều vận hành theo Đạo, vì vậy, nắm được Đạo là nắm được quy luật của tự nhiên, xã hội và con người. Trên cơ sở nắm bắt được tinh thần của Đạo, Hàn Phi cho rằng, "đạo là cái khởi đầu của muôn vật, là tiêu chuẩn phân biệt

điều phải điều trái. Chính vì vậy vị vua sáng nắm lấy cái khởi đầu để biết nguồn gốc của muôn vật, giữ lấy cái tiêu chuẩn để biết then chốt của việc đúng sai. Cho nên nhà vua dùng sự trống rỗng và yên tĩnh để chờ đợi, khiến cho cái danh tự nó được lập, sự việc tự nó được xác định. Nếu trống rỗng thì biết được tình thế của sự thực. Nếu yên tĩnh thì biết được cách sửa đổi cái động cho đúng" (Chủ đạo)(9).

Vì vậy, bậc vua chúa cần nắm được Đạo để sai khiến quần thần, trị nước một cách đúng đắn, hợp quy luật. Một khi đã nắm được Đạo thì "vô vi" mà vẫn thịnh trị.

Hàn Phi đã phát triển tinh thần "Đạo bất chước tự nhiên" của Lão Tử, vận dụng vào học thuyết chính trị của mình, vì vậy trong tư tưởng của ông, "tự nhiên" được hiểu như quy luật khách quan. Ở thiên "Dụ Lão", ông viết: "Nếu mùa đông cây rụng và cây thì dù có là Hậu Tắc cũng không thể làm cho lúa tốt được. Gặp năm được mùa lúa tốt thì đến bọn tôi tớ cũng không thể làm cho nó xấu được. Dùng sức một người thì dù Hậu Tắc cũng không đủ sức nhưng nếu cứ theo tự nhiên thì kẻ tôi tớ cũng thừa sức. Cho nên nói: "Nắm lấy cái tự nhiên của vạn vật mà không dám làm hành động riêng mình""(10).

Ông dẫn điều này để nhấn mạnh đến quy luật tự nhiên khách quan chi phối mọi mặt của tự nhiên, xã hội và con

(6) Hàn Phi. *Sđđ.*, tr.12.

(7) Ngô Tất Tố. *Lão Tử*. Nxb Tp. Hồ Chí Minh, 1992, tr.40.

(8) Ngô Tất Tố. *Sđđ.*, tr.60.

(9) Hàn Phi. *Sđđ.*, tr.38-39.

(10) Hàn Phi. *Sđđ.*, tr 169.

người. Theo ông, khi đã là quy luật khách quan thì ý chí chủ quan của con người không thể thay đổi được. Ông còn khẳng định: Con người không thể làm trái hay bỏ qua quy luật khách quan được. Ở thiên "An nguy", ông viết: "Cho nên cái phép làm cho nước yên cũng như đói mà ăn, rét mà mặc, không phải nhờ mệnh lệnh mà nhờ tự nhiên. Các tiên vương ghi lý thuyết trị nước ở thẻ tre và lụa. Đạo của họ thuận cho nên đời sau phục theo."

Nay khiến người ta bỏ ăn bỏ mặc thì dù là Mạnh Bôn, Hạ Dục cũng không thể thi hành được. Nếu bỏ cái tự nhiên thì tuy thuận với đạo cũng không thể đứng vững được"(11).

Đói thì phải ăn, rét phải mặc, đó là lẽ tự nhiên sinh tồn của con người, đó cũng là quy luật tự nhiên. Nếu đi ngược lại quy luật đó thì dù cho những người khôn như Mạnh Bôn, Hạ Dục cũng không thể làm được. Hàn Phi muốn nhấn mạnh yếu tố quy luật tự nhiên để áp dụng nó vào xã hội, xem xã hội như một trạng thái tồn tại tự nhiên, một sự "kéo dài" của tự nhiên. Ông cho rằng, chính trị - xã hội cũng vận hành theo quy luật, vấn đề là tìm ra quy luật đó để điều tiết, đưa xã hội đến thịnh trị, ổn định. Ở thiên "Đại thể" những điều căn bản của việc cai trị, ông viết: "Người xưa hiểu rõ cái đại thể của việc cai trị thì nhìn trời đất, ngắm sông biển, dựa vào núi hang. Như mặt trời mặt trăng chiếu sáng, bốn mùa vận chuyển, mây bay gió thổi, không lấy cái khôn làm lụy đến cái lòng mình, không lấy điều riêng tư làm hại đến mình. Gửi việc trị loạn ở pháp luật và thuật trị

nước, gửi sự phải trái ở thưởng và phạt, giao việc nặng nhẹ cho cái cân"(12).

Như vậy, Đạo từ chỗ được hiểu như quy luật tự nhiên đã được Hàn Phi vận dụng để lý giải các vấn đề chính trị, làm cho lý thuyết chính trị của ông có cơ sở "khoa học", có cơ sở "lý luận", giúp cho thuật trị nước của ông có tính thuyết phục cao.

Thứ hai, về tư tưởng "vô vi".

Không chỉ Lão Tử và Trang Tử mới quan tâm và nói nhiều tới "vô vi", mà thời cổ đại, ở Trung Quốc, nhiều triết gia lớn đã quan tâm tới vấn đề này. Khổng Tử là người được nhắc đến như một nhà tư tưởng sớm đề cập tới vấn đề "vô vi". Trong "Luận ngữ", chương "Vệ Linh công", bài 4, có viết: "Đức Khổng Tử nói rằng: Không làm gì mệt nhọc mà thiên - hạ được thái - bình, đó là vua Thuấn chứ ai? Ngài có làm gì chăng? Ngài chỉ cung kính giữ mình, ngự trên ngôi mà day mặt về hướng Nam thôi (Tử viết: Vô vi nhi trị giả, kì Thuấn dã dư? Phù hà vi tai? Cung kỉ, chính Nam diện nhi dĩ hi)"(13).

Lão Tử được xem là người đưa ra tư tưởng "vô vi" một cách có hệ thống. Thậm chí, ông được xem như người khởi xướng tư tưởng vô vi, nên khi nhắc đến vô vi người ta liền tưởng ngay đến tư tưởng Lão Tử. Trong *Đạo đức kinh*, Chương XLVIII, ông viết: "Theo đạo thì càng ngày càng bớt, bớt rồi lại bớt đến mức vô vi... Vô vi thì không cái gì không trị... (Vị đạo nhật tổn, tổn chi hựu tổn,

(11) Hàn Phi. *Sđđ.*, tr.199.

(12) Hàn Phi. *Sđđ.*, tr.212.

(13) *Luận ngữ*. Nxb Trí Đức Tổng Thư, Sài Gòn, 1959, tr.241.

đi chỉ ư vô vi... Vô vi tác vô bất trị...)"(14). Hoặc, ở chương LVII, ông viết: "Ta vô vi mà dân tự hóa, ta ưa tĩnh mà dân tự sửa mình, ta không mưu tính gì mà dân tự giàu, ta không ham muốn mà dân tự thành chất phác (Ngã vô vi nhi dân tự hóa, ngã hiếu tĩnh nhi dân tự chính, ngã vô sự nhi dân tự phú, ngã vô dục nhi dân tự phác)"(15).

Theo ông, cứ theo "Đạo", tức theo tự nhiên, thì mọi sự sẽ tự nó hoàn thiện. Liên hệ với vấn đề chính trị, ông cho rằng, cứ cho dân tự lo lấy thì ai nấy được thỏa ý mà trên dưới yên ổn. Nhà cầm quyền càng can thiệp, càng tác động thì càng gây rối: Bất dân đông thuế nặng thì dân sẽ đói, ruộng đất bỏ hoang, hình phạt càng nghiêm thì dân càng phạm tội, cho nên phải giảm sự can thiệp của chính quyền, đừng dùng nhân nghĩa, lễ giáo nữa, bởi: "Mất Đạo rồi mới có Đức, mất Đức rồi mới có Nhân, mất Nhân rồi mới có Nghĩa, mất Nghĩa rồi mới có Lễ"(16). Trí tuệ cũng phải bỏ, vì có bỏ "trí" rồi mới trở về trạng thái tự nhiên được. Chỉ cần cho dân khỏi đói, khỏi rét, rồi để dân muốn làm gì thì làm. Trong chính trị, ông muốn đưa xã hội hiện tại quay về thời nguyên thủy, thuở sơ khai của xã hội loài người. Mô hình nhà nước lý tưởng của ông là nước nhỏ, dân ít, không dùng khí cụ, có xe thuyền mà không ngồi, có gươm giáo mà không dùng, bỏ hết văn tự, dùng lối thắt dây thừng để nhớ sự việc. Mọi người chỉ lo ăn no, mặc ấm, ở yên ổn, không ai đi đâu xa. Hai nước tuy ở gần nhau, nghe tiếng gà gáy, chó sủa của nhau nhưng không quan hệ với nhau. Chính quyền không can thiệp

đến đời sống của dân, để dân sống theo lẽ tự nhiên.

Tư tưởng của Lão Tử, đặc biệt là tư tưởng "vô vi", có ảnh hưởng lớn tới tư tưởng Hàn Phi. Trong tác phẩm *Hàn Phi Tử*, ngoài hai thiên "Giải Lão" (giải thích Lão Tử) và "Dụ Lão" (Mình họa Lão Tử), còn nhiều chỗ Hàn Phi dùng chữ "vô vi" như: "Cái quyền không nên lộ ra, bản chất nó là vô vi. Công việc làm ở bốn phương nhưng then chốt là ở trung ương"(17); "nói chung sự vật đều có chỗ thích hợp của nó, của cái đều có chỗ dùng của nó, mỗi người đều ở vào chỗ đúng của mình, cho nên trên dưới vô vi"(18); "hư tình vô vi là bản chất của đạo; tham khảo đối chiếu sự vật là thực tế của công việc. Tham khảo để so sánh mọi vật, làm cho nó phù hợp với cái hư tâm. Nếu gốc và rễ không bỏ thì việc làm hay nghỉ ngơi đều không sai lầm. Hành động nhưng vẫn nhàn nhã, lấy cái vô vi để sửa chữa"(19); "ta không dựa vào cái gì để biết được sự việc, chỉ dựa vào cái vô vi là có thể xét được"(20), v.v..

Thông qua việc giải thích và mình họa tư tưởng của Lão Tử, Hàn Phi "lồng ghép" tư tưởng của mình vào, hay nói cách khác, đã "mượn" triết thuyết của Lão Tử để thể hiện tư tưởng của mình. Ví dụ, trong *Đạo đức kinh* chương 60, để biểu thị tư tưởng hạn chế sự can thiệp

(14) Dẫn theo: Nguyễn Hiến Lê, *Giản Chi. Hàn Phi Tử*. Nxb Văn hóa Thông tin, 1994, tr.321.

(15) Dẫn theo: Nguyễn Hiến Lê, *Giản Chi. Sđđ.*, tr.321-322.

(16) Dẫn theo: Nguyễn Hiến Lê, *Giản Chi. Sđđ.*, tr.322.

(17) *Hàn Phi. Sđđ.*, tr.54.

(18) *Hàn Phi. Sđđ.*, tr.54.

(19) *Hàn Phi. Sđđ.*, tr.56-57.

(20) *Hàn Phi. Sđđ.*, tr.307.

của chính quyền vào xã hội, Lão Tử viết: “Trị nước lớn giống như là nấu con cá nhỏ”. Hàn Phi đã “mượn” ý này của Lão Tử để thể hiện tư tưởng giữ gìn sự ổn định của pháp luật và không được thay đổi nhiều, ông viết: “Giữ cái vật lớn mà hay dời chỗ nó thì sút mẻ nhiều. Nấu con cá nhỏ mà hay lật đi lật lại thì làm cho nó mất vẻ đẹp. Cai trị một nước lớn mà hay thay đổi pháp luật thì dân khó về việc đó. Do đó ông vua có đạo quý sự yên tĩnh, không ham thay đổi pháp luật. Cho nên nói: “Trị nước lớn giống như là nấu con cá nhỏ” (chương 60)(21).

Hàn Phi tiếp thu tinh thần “vô vi” nhưng không phải là vô vi “tự nhiên” không làm gì, không can thiệp như Lão Tử. Vô vi ở Hàn Phi Tử không phải là không làm gì, không can thiệp, mà vô vi có được khi đã xây dựng được một hệ thống khuôn mẫu, quy tắc (pháp luật) để điều chỉnh các mối quan hệ xã hội. Khi đã có quy tắc, khuôn mẫu rồi thì bậc vua chúa cứ vận hành theo quy tắc, khuôn mẫu đó. Đến lúc đó, quy tắc, khuôn mẫu tự làm cái việc của nó, bậc vua chúa chỉ nhàn nhã ngồi chờ kết quả mà những quy tắc khuôn mẫu đó mang lại. Ví như trong việc trị an, khi đã có pháp luật rồi thì bậc vua chúa chỉ cần giao phó công việc đó cho pháp luật: “Gửi việc trị loạn ở pháp luật” cũng như “giao việc nặng nhẹ cho cái cân”(22). Hay, trong việc chọn người, ông vua để xuất những quy tắc, tiêu chuẩn, sau đó cứ theo quy tắc tiêu chuẩn đó mà làm. Bậc vua chúa khiến pháp luật chọn người chứ không phải tự mình chọn người. Khiến pháp luật chọn người thì không bị ý chí, tình cảm riêng tư chi phối, người hiền không bị che giấu, kẻ

hư hỏng không được tiến cử, như vậy bậc vua chúa không vất vả mà vẫn chọn được người hiền tài: “Cho nên bậc vua sáng khiến pháp luật chọn người chứ không tự mình tiến cử; khiến pháp luật đo lường chứ không tự mình tính toán. Kẻ có tài năng không thể bị che giấu; kẻ kém không thể bị tô vẽ; kẻ được khen không thể tiến chức; kẻ bị chê không thể bị đẩy lui. Như thế giữa vua với tôi phân biệt rõ ràng và nước dễ cai trị. Chỉ cần nhà vua theo pháp luật là có thể làm được thế”(23).

Tóm lại, Hàn Phi không chỉ tiếp thu đơn thuần tư tưởng của Pháp gia mà còn dựa trên cơ sở kế thừa những tinh hoa, những yếu tố hợp lý của các học phái khác để xây dựng cho mình một lý thuyết chính trị hoàn chỉnh - “Thuật trị nước”. Chính điều đó đã giúp cho lý thuyết của ông được nâng lên một tầm cao hơn so với các bậc tiền bối Pháp gia đi trước, thể hiện được những ưu điểm mà các trường phái tư tưởng cùng thời không có được. “Thuật trị nước” đã đưa ông trở thành nhân vật số một của chính trị học Trung Hoa cổ đại, đồng thời tác phẩm *Hàn Phi Tử* được coi là một trong những tác phẩm đầu tiên của chính trị học thế giới. Với công lao đó, ông được đánh giá là nhà tư tưởng vĩ đại của Trung Hoa. Lã Trấn Vũ nhận xét: “Hàn Phi không phải trộn lẫn các phái tư tưởng mà chính ông đã sáng lập ra hệ thống tư tưởng của ông, trong điều kiện lịch sử của thời đại ông”(24). □

(21) Hàn Phi. *Sđđ.*, tr.149.

(22) Hàn Phi. *Sđđ.*, tr.212.

(23) Hàn Phi. *Sđđ.*, tr.46.

(24) Lã Trấn Vũ. *Lịch sử tư tưởng chính trị Trung Quốc*. Nxb Sự thật, 1964, tr 278.